

Số: 33/NQ-HĐND

Phủ Thông, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHỦ THÔNG
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ SÁU (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ chi

tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi thường xuyên; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 315/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, Kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2740/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước, Kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã tại Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2026 về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 113/BC-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 với tổng số kinh phí 9.656 triệu đồng và 1.000 tấn xi măng, cụ thể như sau:

1. Vốn đầu tư công: 7.668 triệu đồng và 1.000 tấn xi măng (trong đó: Ngân sách trung ương: 3.668 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 4.000 triệu đồng và hỗ trợ kinh phí mua 1.000 tấn xi măng).

2. Kinh phí chi thường xuyên: 1.988 triệu đồng (trong đó: Ngân sách trung ương: 1.148 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 840 triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Phú Thông khóa II, kỳ họp thứ sáu (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh (B/c);
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh (B/c);
- Các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Dân tộc và Tôn giáo (B/c);
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy;
- Các Ban HĐND xã;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Trung tâm DVTH (đăng tải Cổng TTĐT xã);
- Lãnh đạo và chuyên viên VP HĐND & UBND xã;
- Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng Ban CTMT các thôn thuộc xã;
- Lưu: VT, HS HĐND xã.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Hằng

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Tổng KHV giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch năm 2026			Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	
			Tổng cộng	Trong đó			
				NSTW	NS tính		
	TỔNG CỘNG		1.988	1.148	840		
A	HỢP PHẦN THỨ NHẤT		1.938	1.118	820		
I	Nội dung thành phần 3: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường	10.832	1.618	938	680		
1	Nội dung 04: Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu; khuyến khích chủ thể là phụ nữ, người đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật tham gia sản xuất sản phẩm OCOP		150	90	60	Phòng XD, NN&MT	
	<i>Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP</i>		150	90	60		
2	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững		1.468	848	620		
*	Dự án hỗ trợ PTSX cộng đồng						
	<i>Dự án chăn nuôi vịt thịt cổ xanh</i>		400	230	170	Phòng XDNN&MT	
	<i>Dự án chăn nuôi gà thịt</i>		600	300	300		
	<i>Dự án trồng cây dưa chuột</i>		468	318	150	Trung tâm DVTH - Hội Nông dân xã	
II	Nội dung thành phần số 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn	3.600	150	80	70		
1	Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông thôn xanh”		150	80	70	Trung tâm DVTH - Đoàn Thanh niên xã	
III	Nội dung thành phần 8: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	2.170	120	70	50		
1	Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; xây dựng, nhân rộng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”, tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình		120	70	50	Ủy ban MTTQ Việt Nam xã	
IV	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	1.150	50	30	20		
1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm		50	30	20	Phòng XD, NN&MT	
	<i>Tập huấn luyện nâng cao, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng cho cán bộ xã, thôn trực tiếp tham gia triển khai chương trình rà soát hộ nghèo</i>		50	30	20		
B	HỢP PHẦN THỨ HAI		50	30	20		
I	Nội dung thành phần 5: Công tác truyền thông, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	596	50	30	20		

1	Nội dung 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS&MN. Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý, hoà giải ở cơ sở, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho vùng đồng bào DTTS&MN		50	30	20	VP HỖND&UBND
	Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS		50	30	20	